

TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ CỦA JOHN LOCKE (1632 - 1704) VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG MỸ

Nguyễn Tuấn Bình^(*)

^(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Email: nguyentuanbinh@gmail.com

Dương Văn Hậu^(**)

^(**) Cử nhân, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Tóm tắt: Được xem là ngọn cờ đầu trong phong trào Khai sáng ở châu Âu thế kỷ XVII, nhà triết học cận đại người Anh, John Locke (1632-1704), cùng với các trước tác về triết học chính trị nổi tiếng của mình đã có những đóng góp quan trọng trong việc cung cấp và xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về một thiết chế xã hội mà ở đó tính dân chủ, tự do và luật pháp được hiện hữu. Những tư tưởng tiến bộ của John Locke không những ảnh hưởng đến tư tưởng của các nhà triết học Ánh sáng Pháp, như Montesquieu, Rousseau, Voltaire... mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc đấu tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ vào cuối thế kỷ XVIII (gọi tắt là cách mạng Mỹ) và bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Bài viết này tập trung phân tích những tư tưởng triết học chính trị cốt lõi của John Locke và tác động của nó đối với việc hình thành tiền đề tư tưởng của cuộc cách mạng Mỹ cuối thế kỷ XVIII.

Từ khóa: Cách mạng Mỹ, John Locke, triết học chính trị, tiền đề tư tưởng.

1. Vài nét về tư tưởng triết học chính trị của John Locke (1632 - 1704)

John Locke là nhà tư tưởng, triết gia người Anh sinh ngày 29 - 8 - 1632 tại Wrington trong một gia đình Thanh giáo. Ông sinh ra trong thời kỳ châu Âu và nước Anh có những biến động lớn về kinh tế, chính trị, xã hội, đó là xu hướng hình thành các quốc gia - dân tộc, sự ra đời và ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân. Ở nước Anh, đây là thời kỳ xung đột gay

gắt giữa nhà vua và nghị viện. Ông cũng là chứng nhân lịch sử, được sống trong thời kỳ cuối cùng của Cách mạng Vinh quang (Glorious Revolution)¹ năm 1688, khi mà vua James II bị phế truất, nền quân chủ lập hiến được định hình. Không chỉ chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh thời đại

¹ Cuộc Cách mạng Vinh Quang năm 1688 là sự kiện vua James II của Anh bị lật đổ bởi liên minh giữa các thành viên Quốc hội và đội quân viện chính do quan Tổng đốc Hà Lan là William III xứ Orange. William lên ngôi vua nước Anh (tức vua William III của Anh), đồng trị vì với vợ là Nữ hoàng Mary II của Anh.

nhiều biến động trên, tư tưởng của J.Locke còn chịu ảnh hưởng từ người cha - một luật gia có tư tưởng cấp tiến, chống lại sự độc quyền chuyên chế của chế độ quân chủ. Những năm 1689 - 1695 J.Locke đã cho ra đời những tác phẩm chủ yếu vốn được ông nghiền ngẫm từ lâu và phác thảo nhiều lần trước đó, như: *Thư về lòng khoan dung (1689)*, *Hai khảo luận về chính quyền (1689)*, *Tiểu luận về tri tuệ con người (1690)*, *Vài ý nghĩa về giáo dục (1693)*, *Tính hợp lý của Kito giáo (1695)*².

Tác phẩm nổi bật và có sự ảnh hưởng lớn, làm nên tên tuổi của J.Locke là *Hai khảo luận về chính quyền (Two Treatises of Government)*, trong đó khảo luận thứ nhất bác bỏ quan điểm lỗi thời về quyền lực tuyệt đối của nhà vua; khảo luận thứ hai có tựa phụ là "*luận về nguồn gốc, phạm vi và mục đích chân chính của chính quyền dân sự*" bàn đến học thuyết về nền quân chủ lập hiến đại nghị, nhấn mạnh các quyền cơ bản của con người trong xã hội, bao gồm quyền sống, quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, quyền được hạnh phúc và đặc biệt là quyền sở hữu³. *Khảo luận thứ hai về chính quyền dân sự* được xem là một trong những tác phẩm nổi tiếng về triết học chính trị, thể hiện rõ nhất quan điểm chính trị của J.Locke về nhà nước, quyền tự nhiên, khế ước xã hội và quan điểm của ông về sự phân quyền trong nhà nước. Đây là những giá trị cốt lõi của tư tưởng chính trị mang tinh thần Khai sáng. Tinh thần ấy đã được các nhà cách mạng Mỹ tiếp thu và vận dụng trong việc xây dựng Hiến pháp Mỹ năm 1787.

Tư tưởng triết học chính trị của J.Locke có những điểm cơ bản sau:

Về tình trạng tự nhiên, theo J.Locke, tình trạng tự nhiên là một tình trạng bình đẳng, trong đó mọi người có quyền lực và thẩm quyền pháp lý tương hỗ lẫn nhau, không ai có nhiều hơn người khác. Trạng thái tự nhiên không phải là trạng thái lộn xộn. Trạng thái tự nhiên "có một luật tự nhiên để điều hành nó, và luật này bó buộc mọi người; và lý trí chính là luật đó, dạy mọi người rằng vì mọi người bình đẳng và độc lập với nhau, không ai được làm hại người khác về sự sống, sức khoẻ, tự do, hay tài sản"⁴. Ông đã đề cập đến các giá trị cốt lõi mà một con người, quốc gia, dân tộc đều xứng đáng được hưởng thụ, đó là các thiên tính được mặc định như tính độc lập, tự do và bình đẳng. Các giá trị trên về *tình trạng tự nhiên* mà J.Locke khởi xướng đã mang lại một nhận thức mới về quyền cho các đối tượng được thụ hưởng các đặc quyền ấy. Điều này mở đường cho các hành động đấu tranh nhằm vào các lý thuyết áp đặt và bất công mà chế độ quân chủ và giáo hội La Mã kiểm soát ở châu Âu thời bấy giờ.

Về quyền tư hữu, đây là quyền gắn chặt với lợi ích của mỗi con người, quốc gia.

² Bernard Morichere (2010), *Triết học Tây phương - Từ khởi thủy đến đương đại*, Phan Quang Định biên dịch, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 554.

³ Dương Thị Ngọc Dung, Lê Thị Minh Thy (2012), *Từ tự nhiên thần luận đến tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong tư tưởng chính trị của John Locke*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 11 (171), tr. 6-7.

⁴ John Locke (2019), *Khảo luận thứ hai về chính quyền - Chính quyền dân sự*, Lê Tuấn Huy dịch, chủ thích và giới thiệu, tái bản lần thứ năm. Nxb Tri thức, Hà Nội, tr.36.

Quyền tư hữu, theo J.Locke miêu tả, Thượng đế, Đấng đã ban thế giới làm của chung cho loài người, cũng đã ban cho họ lý trí để sử dụng nó hầu mang lại những thuận lợi và để chịu lớn nhất cho đời sống. Mặc dù trái đất và mọi tạo vật thấp kém hơn là của chung mọi người, nhưng mỗi người lại có quyền tư hữu nơi chính bản thân mình; mỗi người chỉ có quyền này đối với chính mình. Sự lao động của thân xác và lao động của bàn tay họ, chúng ta có thể nói là của riêng họ. Vì vậy, bất cứ điều gì mà họ đã lấy ra từ tình trạng mà tự nhiên đã cung cấp và để lại, họ đã kết hợp lao động của họ vào đó, và đưa vào một cái gì của riêng họ, và do đó biến nó thành sở hữu của họ... Vì sự lao động này là sở hữu không thể tranh chấp nên không ai, trừ người đó, có quyền tước đoạt tài sản hay buộc phải phục tùng quyền lực của kẻ khác, nếu chính anh ta không thuận ý⁵. Có thể thấy điều này đã đáp ứng được nhu cầu của một xã hội mới, trong đó vai trò và quyền được thể hiện. Vai trò dựa trên các nguyên tắc tư hữu mà J.Locke khẳng định đó cho phép mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội có quyền tư hữu ngang nhau.

Về mục đích của xã hội chính trị và của chính quyền, không những đề cập đến các quyền bản thể, J.Locke còn đề cập đến mục đích của một xã hội, một chính quyền. Ở đây, tư tưởng của ông cho thấy các học thuyết triết học của ông đã được vận dụng vào công việc định hình chính trị như thế nào. Nói các khác, nó cho phép các tư tưởng này hiện hữu dưới tên gọi là triết học chính trị một cách chính thống. Theo ông, phương cách duy nhất cho phép bất kỳ ai

cởi bỏ tự do tự nhiên của mình và đưa chúng vào những ràng buộc của xã hội, đó là thông qua một quy ước với những người khác, có những điều khoản, theo đó các bên kết hợp nhau lại, thống nhất với nhau thành một cộng đồng, làm sao để cùng nhau sống trong tiện nghi, an ninh và hòa bình, hưởng thụ sự an toàn của cái mình có được và được bảo vệ tốt hơn chống lại những kẻ không chung cộng đồng với mình. Con người có thể làm được điều đó, nếu họ đồng ý, bởi vì họ không xâm hại đến tự do của người khác, vì họ vẫn còn tự do như trong tình trạng tự nhiên⁶.

Quan điểm của J.Locke về sự phân quyền nhà nước.

Lý thuyết về sự phân quyền của J.Locke kế thừa những giá trị tích cực về nhà nước, pháp luật của các tiền bối, trong đó chịu ảnh hưởng lớn từ nhà triết học người Anh Thomas Hobbes⁷. Theo Locke,

⁵ John Locke (2019), *Khảo luận thứ hai về chính quyền - Chính quyền dân sự*, Lê Tuấn Huy dịch, chủ thích và giới thiệu, tái bản lần thứ năm, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.63-64.

⁶ John Locke (2019), *Khảo luận thứ hai về chính quyền - Chính quyền dân sự*, Lê Tuấn Huy dịch, chủ thích và giới thiệu, tái bản lần thứ năm, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.173-178.

⁷ Thomas Hobbes (1588 - 1679) là nhà triết học người Anh nổi tiếng với các tác phẩm về triết học chính trị. Cuốn sách *Leviathan* viết năm 1651 của ông đã thiết lập nền tảng cho nền triết học chính trị phương Tây theo quan điểm lý thuyết về khổ ước xã hội. Hobbes là người ủng hộ chính thể chuyên chế nhưng ông cũng phát triển các nguyên tắc cơ bản của tư tưởng tự do châu Âu: Quyền được bầu cử của các cá nhân; quyền bình đẳng tự nhiên của tất cả mọi người; tính nhân tạo của địa vị chính trị; quan điểm tất cả quyền lực chính trị hợp pháp phải mang tính "đại diện" và dựa trên sự đồng thuận của nhân dân; và sự diễn giải luật khá phóng khoáng cho phép mọi người được làm bất kỳ điều gì mà pháp luật không cấm.

quyền lực nhà nước được phân thành các cơ quan lập pháp, hành pháp và liên hiệp. Lập pháp là cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước thuộc về nghị viện. Các cơ quan lập pháp được xem là linh hồn của toàn bộ hệ thống chính trị, là cơ sở để mọi công dân có thể xác định được giới hạn và phạm vi của mình. Ông nhấn mạnh: “Cơ quan lập pháp không phải và cũng không thể là quyền lực độc đoán, chuyên chế đặt trên cuộc sống và vận mệnh của nhân dân; cơ quan lập pháp không thể nắm lấy cho mình quyền cai trị bằng những sắc lệnh chuyên quyền và tùy tiện; cơ quan lập pháp với quyền lực tối cao không thể lấy đi của bất kỳ ai phần sở hữu nào mà không có sự chấp thuận của anh ta”⁸.

2. Tác động của triết học chính trị J.Locke đến sự hình thành tiền đề tư tưởng của cách mạng Mỹ

Cách mạng Mỹ cuối thế kỷ XVIII là cuộc cách mạng tư sản thứ ba sau cách mạng Hà Lan và cách mạng Anh. Cuộc cách mạng này nổ ra dưới hình thức là một cuộc đấu tranh giành độc lập, vì nền tự do của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Cuộc chiến diễn ra từ năm 1775 đến năm 1783, khởi đầu chỉ là cuộc giao tranh nhỏ giữa quân đội Anh và nhân dân thuộc địa có vũ trang ngày 19 - 4 - 1775. Kết quả là thắng lợi của nghĩa quân thuộc Anh phải ký Hiệp định Paris năm 1783 rút quân khỏi Bắc Mỹ và công nhận 13 thuộc địa được độc lập. Sự hình thành tiền đề tư tưởng của cuộc cách mạng Mỹ cuối thế kỷ XVIII chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tư tưởng của cách mạng tư sản Anh và học thuyết của John Locke.

Vào thế kỷ XVI, chủ nghĩa tư bản ở Anh đã phát triển khá mạnh, tầng lớp quý tộc mới và giai cấp tư sản hình thành, trong khi Giáo hội Thiên Chúa giáo đã trở thành lực lượng cản trở sự phát triển ước muốn làm giàu của các giai cấp và tầng lớp xã hội mới ra đời. Tầng lớp quý tộc mới rất thêm muốn đất đai của Giáo hội, còn giai cấp tư sản muốn có một Giáo hội rẻ tiền để đỡ phải cống nạp tốn kém cho Tòa thánh Roma. Tình hình này đã tác động mạnh đến vương triều Tudor. Năm 1534, được sự ủng hộ của các tầng lớp có thế lực ở Anh, vua Henry VIII tuyên bố cắt đứt quan hệ tôn giáo với Tòa thánh Roma, thành lập giáo hội riêng do ông đứng đầu gọi là Anh giáo. Anh giáo dựa trên cơ sở lý thuyết của Cơ đốc giáo, nhưng về tổ chức thì tách khỏi Giáo hội La Mã. Người đứng đầu Giáo hội Anh là vua Anh. Từ thế kỷ XVI với “Cải cách tôn giáo”, Anh giáo chiếm địa vị thống trị, nhà vua nắm cả thế quyền lẫn thần quyền. Anh giáo là trụ cột, là chỗ dựa tinh thần của chế độ phong kiến Anh quốc.

Tuy nhiên, những biện pháp cải cách tôn giáo của Henry VIII không làm giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc mới vừa lòng. Nhận thấy Anh giáo là một trở ngại trên con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản, họ tìm đến tôn giáo Calvin, một tôn giáo cải cách triệt để hơn nhiều so với Anh giáo, đang được truyền bá ở Tây Âu. Giai cấp tư sản Anh tiếp thu tôn giáo

⁸ Nguyễn Thị Tuyết, Cao Phương Thủy (2017), *John Locke và quan niệm của ông về sự phân quyền nhà nước*, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 5, tr.6-7.

Calvin và gọi bằng tên mới là Thanh giáo, nghĩa là tôn giáo Trong sạch. Thanh giáo chống lại những luật lệ, lễ nghi của Thiên Chúa giáo, đơn giản hóa nghi lễ cho phù hợp với yêu cầu của giai cấp tư sản; đồng thời cắt đứt các quan hệ với Anh giáo. Cuộc đấu tranh giữa Thanh giáo và Anh giáo về hình thức là cuộc đấu tranh giữa hai tôn giáo, nhưng thực chất đó là sự phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai luồng tư tưởng: Tư tưởng tư sản và tư tưởng phong kiến.

Những biện pháp cải cách của Thanh giáo đã đụng chạm đến Anh giáo và dẫn đến hệ quả là tín đồ Thanh giáo bị chính quyền đàn áp. Dưới thời vua James I (1603 - 1625), Thanh giáo bị cho là "dị giáo" và các tín đồ của tôn giáo này bị chính quyền đàn áp hết sức dã man. Đây cũng là một lý do nữa khiến người Anh rời bỏ quê hương di cư sang Bắc Mỹ với hy vọng được tự do về tư tưởng để thực hành đức tin. Do chịu tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội, tư tưởng - chính trị đó, số lượng người Anh đến định cư tại Bắc Mỹ ngày càng nhiều. Đến năm 1752, chính quyền Luân Đôn đã thành lập ở miền Đông Bắc lục địa Bắc Mỹ 13 thuộc địa^{*}, phía Đông giáp Đại Tây Dương, phía Tây giáp dãy núi Appalachians, chạy dài từ thuộc địa Massachussets đến phía Nam giáp Floridas thuộc Tây Ban Nha. Bên cạnh người Anh chiếm đa số, còn có sự hiện diện của người châu Âu khác (Pháp, Hà Lan, Thụy Điển...) và người da đen, người da đỏ nhưng với số lượng thiểu số. Tinh thần trước khi xây các cuộc xung đột quân sự với "mẫu quốc", số cư dân của 13

thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là 2.5 triệu người. Do người Anh chiếm đa số nên tiếng Anh trở thành ngôn ngữ phổ biến tại các thuộc địa.

Vào giữa thế kỷ XVIII, nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau đã được truyền bá rộng rãi tại Bắc Mỹ, trở thành một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn giữa 13 thuộc địa với chính quốc Anh. Trong đó, tư tưởng Khai sáng được đón nhận nhiều nhất ở Bắc Mỹ là học thuyết của J.Locke. Sinh trưởng trong một gia đình Thanh giáo ở Anh, tư tưởng của J.Locke có ảnh hưởng đến sự hình thành tiền đề tư tưởng của cuộc đấu tranh giành độc lập nói riêng và cả cuộc cách mạng Mỹ nói chung. Tư tưởng về chủ nghĩa tự do và khế ước xã hội của ông đã có ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều nhà tư tưởng lớn, như Voltaire, Montesquieu và cả những người sáng lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, như Alexander Hamilton, James Madison và Thomas Jefferson⁹.

Điểm cốt lõi của luồng tư tưởng mới này là khái niệm về *chính phủ*. Trong cuộc đấu tranh của nhân dân Bắc Mỹ, các khẩu hiệu "Tự do và tư hữu", "Thống nhất hoàn toàn hay là chết" đã trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng. Những hội kín ra đời liên kết lực lượng và thống nhất tư

^{*} Bao gồm các thuộc địa: Connecticut, Delaware, Georgia, Maryland, Massachusetts, New Jersey, New York, New Hampshire, North Carolina, Pennsylvania, Rhode Island, South Carolina, Virginia.

⁹ Xem: Phạm Văn Đức (2008), "John Locke - Nhà tư tưởng lớn của phong trào Khai sáng", <http://philosophy.vass.gov.vn/nghien-cuu-theo-chuyen-de/Phuong-Tay/John-Locke-Nha-tu-tuong-lon-cua-phong-trao-khai-sang-494.html>.

tướng. Tổ chức có tính chất tiến bộ lúc bấy giờ là “Hội những người con tự do” (Sons of Liberty). Nhiệm vụ của Hội là đấu tranh chống ách áp bức của nhà vua và Quốc hội Anh, phản ánh yêu cầu thống nhất của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh. Chính vì vậy, thành phần tham gia tổ chức khá rộng rãi. Giai cấp tư sản, tiểu tư sản, công nhân, thợ thủ công, người đánh cá, trí thức tiểu tư sản đều gia nhập Hội. Tiêu biểu cho tư tưởng tự do là Thomas Jefferson. “Những người con tự do” lấy tư tưởng triết học chính trị của J.Locke làm mục tiêu đấu tranh cách mạng, cung cấp cho cuộc đấu tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ một nội dung lý thuyết về nhà nước tư sản. Theo quan điểm của J.Locke, nhà nước được xác lập nhằm đảm bảo các quyền của con người, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền sở hữu. Với ông, các quyền này vừa là quyền tự nhiên, vừa là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của con người¹⁰. Đây chính là tư tưởng của cách mạng tư sản Anh lan sang Bắc Mỹ, được chấp nhận và được áp dụng trong thực tiễn. Nhà nước có nhiệm vụ cao cả trong việc bảo vệ sự sống, tự do và quyền tư hữu của công dân, bởi con người sinh ra đều ích kỷ và tham lam nên họ thường có lòng tham trước của cải của người khác. Ông viết: “Việc con người trở thành quan tòa trong những sự vụ của chính mình là không hợp lý, lòng tự ái sẽ khiến họ thiên vị bản thân và bạn bè; mặt khác, bản tính xấu xa, sự công phẫn và lòng thù hận sẽ khiến họ đi quá xa khi trừng phạt người khác; vì thế chắc chắn Chúa đã chỉ định chính phủ nhằm

kiềm chế sự thiên vị và sự xâm hại của con người. Chính phủ dân sự là phương thuốc đúng đắn cho tình trạng tự nhiên (the state of nature)”¹¹. Tuy vậy, có khá nhiều chính phủ lại do nhóm người tham nhũng cầm đầu, nên người dân cần có sự bảo vệ và che chở trước khả năng lạm dụng quyền lực. Quyền lực chính trị thực sự thuộc về nhân dân và nhân dân uỷ quyền cho chính phủ đứng ra bảo vệ quyền lợi của họ. Trong trường hợp chính phủ vi phạm các quyền tự nhiên của người dân, họ sẽ là người có quyền bãi nhiệm chính quyền đó¹².

Theo lý thuyết của John Locke, các quyền tự nhiên không thể bị tước đoạt của con người là quyền được sống, được tự do và được sở hữu. Có thể nói, học thuyết chính trị của J.Locke có tác động to lớn đến sự phát triển tư tưởng chính trị tư sản ở các thuộc địa Bắc Mỹ, đặc biệt là quan điểm về “quyền tự nhiên không thể tước bỏ của con người” được Jefferson và các nhà lý luận cách mạng Mỹ sử dụng triệt để. Điều này đã được minh chứng qua bản Tuyên ngôn Độc lập do Thomas Jefferson khởi thảo với câu nói bất hủ trong phần mở đầu: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa đã ban cho họ những quyền bất khả xâm phạm, trong đó

¹⁰ Xem: Đinh Ngọc Thạch (2007), *Một số tư tưởng triết học chính trị của Gi. Lóc-cơ Thuỵch và ý nghĩa lịch sử*, Tạp chí Triết học, số 1 (188), tr.40-41.

¹¹ Chu Văn Tuấn (2016), *Quan điểm của một số nhà triết học phương Tây về tự do và pháp luật*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 9 (106), tr.38.

¹² Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái (1996), *Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.80.

có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"¹³. Do không phải kế thừa những tư tưởng phong kiến, tư tưởng tự do tư sản bắt nguồn từ các nguyên tắc chính trị mà John Locke đã nuôi dưỡng có điều kiện này nở trên đất Mỹ. Trong tác phẩm "*Truyền thống tự do ở nước Mỹ*", Louis Hartz cho rằng: "Các luồng tư tưởng của chủ nghĩa tự do hình thành trên một thực tế là chúng ta (nước Mỹ) chưa bao giờ có một truyền thống bảo thủ"¹⁴.

Vào thế kỷ XVIII, ở các thuộc địa Bắc Mỹ đã dần dần hình thành một hệ thống quản lý dựa trên tư tưởng của John Locke. Đặc biệt, với hệ thống quản lý này, ở Bắc Mỹ không còn xuất hiện tình trạng "cha truyền con nối" của tầng lớp quý tộc vốn vẫn tồn tại trong xã hội châu Âu. Tại hầu hết 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ, cộng đồng địa phương từng bước tự giải quyết công việc hành chính mà không cần sự giúp đỡ của bên ngoài hoặc ở cấp cao hơn. Quyền lực của Hội đồng đại diện tại các thuộc địa được gia tăng và có sức mạnh tương đương với Nghị viện ở chính quốc. Có thể thấy, cơ cấu hệ thống chính trị của 13 thuộc địa Bắc Mỹ có nhiều điểm tương đồng. Đây là yếu tố thuận lợi cho sự hình thành hệ thống chính trị liên bang thống nhất trong tương lai. Hầu hết ở các thuộc địa, thống đốc là người đứng đầu cùng phối hợp với hai viện lập pháp. Một hội đồng có chức năng như là cơ quan tư vấn cho thống đốc các vấn đề về chính sách, do dân bầu ra hoặc được chỉ định. Hội đồng này có khi hoạt động với tư cách là toà án tối

cao của thuộc địa. Đây được xem là sự kế thừa lý thuyết về sự phân quyền nhà nước của John Locke, đặt nền tảng cho sự hình thành một quốc gia mới.

Từ những phân tích trên, căn bản có thể thấy, triết học chính trị của J.Locke bao gồm các tư tưởng về quyền tự nhiên của con người, khế ước xã hội, vai trò của nhân dân đối với chính quyền, tư tưởng phân chia quyền lực. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định nhưng triết học chính trị của J.Locke đã góp phần quan trọng trong việc định hình và phát triển các học thuyết về quyền con người, học thuyết về hiến pháp và nhà nước pháp quyền cùng các thể chế chính trị hiện đại ở châu Âu nói riêng và thế giới nói chung. Đặc biệt, tư tưởng triết học chính trị của ông đã tác động mạnh mẽ, tạo tiền đề tư tưởng cho cuộc đấu tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, điều đó thể hiện qua các tác động cụ thể sau:

Một là, nhận thức về trạng thái tự nhiên của J.Locke với các giá trị bình đẳng về quyền lợi và trách nhiệm cũng như một mô hình xã hội không cho phép sự tồn tại của sự bóc lột giữa người với người đã chiếm được tình cảm không chỉ của người dân ở chính quốc Anh mà trên hết là các tầng lớp nhân dân ở các thuộc địa, trong đó lớn mạnh nhất là cư dân Bắc Mỹ. Những lời mà Locke tuyên bố

¹³ The Founding Fathers, Paul B. Skousen (2016). *The Constitution and the Declaration of Independence*, CreateSpace Independent Publishing Platform, New York, p.3.

¹⁴ Nguyễn Thái Yên Hương (2005). *Liên bang Mỹ, đặc điểm xã hội - văn hóa*. Viện Văn hóa và Xã hội Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.131.

đã mở đường cho các tầng lớp vốn là những công dân "*hạng hai*" phải chịu nhiều thiệt thòi, bị chèn ép và phục tùng cả về kinh tế lẫn chính trị mà chính quốc Anh áp đặt, tìm thấy một chỗ dựa về mặt tương lai không xa.

Hai là, nhận thức về *quyền tư hữu* và *mục đích của xã hội chính trị* và của *chính quyền* thật sự đã mang lại cho những công dân Bắc Mỹ sự phản tỉnh nhất định về sự so sánh giữa những gì mà Locke tuyên bố và những gì xảy ra trong thực tại. Tầng lớp tư sản, tiểu tư sản ở Bắc Mỹ là những người đón nhận mạnh mẽ nhất học thuyết của Locke. Bởi lẽ, các chính sách thuế khóa, chính sách độc quyền, kiểm chế phát triển kinh tế ở Bắc Mỹ của chính quốc Anh đã ngày càng "*quá giới hạn*" chịu đựng và sự kiện chèn ép Boston 1773 cho thấy tinh thần "tư tưởng Locke" đã được thực tiễn hóa. Ngọn lửa "nổi loạn" ở thuộc địa bùng nổ, lan rộng và ngày càng được nhân dân Bắc Mỹ ủng hộ rộng rãi, một phần bởi chính tư tưởng về vai trò của một chính quyền mà họ đã được tiếp thu từ Locke. Chính quyền ấy đã vi phạm các nguyên tắc, xa rời mục đích mà Locke đã tuyên bố. Điều này đã trở thành "chỗ dựa" mạnh mẽ về tư tưởng, tinh thần cho cuộc cách mạng thuộc địa Bắc Mỹ và cũng là "tiền đề" cho bản Tuyên ngôn Độc lập 1776 của Hoa Kỳ.

Ba là, *lý thuyết về sự phân quyền nhà nước* của John Locke đã được các nhà lãnh đạo cách mạng Mỹ tiếp nhận trong việc xây dựng mô hình nhà nước pháp quyền. Tư tưởng nhà nước của Locke

cũng đã có ảnh hưởng ít nhiều đến Hiến pháp Mỹ năm 1787.

Có thể nói, tư tưởng triết học chính trị của John Locke đã trở thành tiền đề tư tưởng cho cuộc cách mạng Mỹ vào cuối thế kỷ XVIII. Tiền đề ấy phát triển từ nhận thức xã hội đến nhận thức chính trị, từ cuộc đấu tranh cách mạng đến xây dựng một mô hình nhà nước. Ảnh hưởng của Locke đến cách mạng Mỹ là không thể phủ nhận, tư tưởng của ông sơ dĩ được đón nhận rộng rãi vì chính ông là một người Anh, một tiếng nói cấp tiến trong cuộc cách mạng Anh trước đó. Điều này đã khiến ông nhanh chóng chiếm trọn tình cảm của người dân Bắc Mỹ, vốn đa số xuất thân từ chính quốc Anh do hệ quả từ sau cuộc cách mạng Anh 1642. Tư tưởng của Locke với linh hồn là tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền dân sự* không những tạo tiền đề tư tưởng, mà còn trở thành "cương lĩnh" cho cuộc cách mạng Mỹ. Tư tưởng triết học chính trị của J.Locke không những đóng góp vào kho tàng lý luận của nhân loại mà còn có tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ vào thực tiễn. Theo C.Mác, "*chủ nghĩa duy vật Pháp có hai phái: một phái bắt nguồn từ Descartes, một phái bắt nguồn từ Lócơ*". Phái thứ hai thì *chủ yếu là một yếu tố của văn hóa Pháp và trực tiếp dẫn tới chủ nghĩa xã hội*"¹⁵ Đánh giá đó của C.Mác phần nào nói lên vị trí của John Locke trong tư tưởng chính trị - xã hội cận đại. □

¹⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Toàn tập*, t.2. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr.191.